

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TP. BUÔN MA THUẬT
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2020/KDTM-ST

Ngày 24/9/2020

“V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TP. BUÔN MA THUẬT, TỈNH ĐẮK LẮK**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Đình Thanh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Lập Tiến.

2. Ông Nguyễn Văn Hạnh.

Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Bích Dịu – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà H’ Mi Chan Niê – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 9 năm 2020, tại Hội trường xét xử trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại sơ thẩm thụ lý số: 56/2019/TLST-TM ngày 06/12/2019, về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2020/QĐXX - KDTM ngày 17/8/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 16/2020/QĐST-TM ngày 04/9/2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần Á C; Địa chỉ: 442 Nguyễn Thị Minh K, Phường 5, Quận 3, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đỗ Minh T; Chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền khởi kiện: Ông Nguyễn Đình H; Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á C chi nhánh Đắk Lắk.

Người đại diện theo ủy tham gia tố tụng: Ông Đào Ngọc M; Chức vụ: Nhân viên Ngân hàng thương mại cổ phần Á C chi nhánh Đắk Lắk.

Địa chỉ: 152-154-156 Y J, phường Thắng L, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; Có mặt.

Bị đơn: Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Thương mại Dịch vụ Phân phối Bảo N; Địa chỉ: 17 Trương Hán S, phường Thành N, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Trịnh Thu T; Chức vụ: Giám đốc Công ty; Địa chỉ: 17 Trương Hán S, phường Thành N, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; Hiện đang chấp hành án tại trại giam Đắk T, huyện C, tỉnh Đắk Lắk; Vắng mặt có đơn xét xử vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Trịnh Thu T, Sinh năm 1985; HKTT: 17 Trương Hán S, phường Thành N, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; Hiện đang chấp hành án tại trại giam Đ, huyện C, tỉnh Đắk Lắk; Vắng mặt có đơn xét xử vắng mặt.

2. Ông Nguyễn Hữu K, Sinh năm 1957; Địa chỉ: Thôn Sơn L 1, xã C, huyện C, tỉnh Đắk Lắk; Vắng mặt có đơn xét xử vắng mặt.

3. Cháu Nguyễn Bảo N, Sinh năm 2007 và Nguyễn Trịnh Phương N, Sinh năm 2013; Địa chỉ: 17 Trương Hán S, phường Thành N, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo pháp luật của cháu Nguyễn Bảo N và cháu Nguyễn Trịnh Phương N: Bà Trịnh Thu T, Sinh năm 1985; HKTT: 17 Trương Hán S, phường Thành N, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; Hiện đang chấp hành án tại trại giam Đắk T, huyện C, tỉnh Đắk Lắk; Vắng mặt có đơn xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, quá trình làm việc tại Tòa án và tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Đào Ngọc M trình bày có nội dung như sau:

Công ty trách nhiệm thương mại dịch vụ phân phối Bảo N (Công ty Bảo N) có ký với Ngân hàng Thương Mại Cổ phần Á C (Ngân hàng) 04 hợp đồng tín dụng cụ thể:

01. Hợp đồng tín dụng Trung - Dài hạn số DAL.DN.624.220116 ngày 26/01/2016. Ngân hàng đã tiến hành giải ngân cho Công ty Bảo N vay bằng khế ước nhận nợ số DAL.DN.624220116/01 (TK: 210510379) ký ngày 26/01/2016 với số tiền vay 500.000.000đ (Năm trăm triệu đồng); Thời hạn vay 48 tháng; Mục đích cho vay: Mua xe thế chấp bằng chính xe mua để phục vụ kinh doanh; Lãi suất vay là 8,5%/năm; Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Để đảm bảo cho khoản vay, Công ty Bảo N có ký kết với Ngân hàng hợp đồng thế chấp tài sản số: DAL.BDDN.317.220116 ngày 25/01/2016 để thế chấp tài sản là xe ô tô tải thùng kín nhãn hiệu FUSO CANTER, số khung: 73PEFV000302, số máy: 4D34P45670, biển kiểm soát: 47C-114.82 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe Ô tô số 014894 do Công An tỉnh Đắk Lắk- Phòng Cảnh Sát Giao Thông cấp ngày 21/01/2016 đứng tên Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại dịch vụ phân phối Bảo N; Đăng ký giao dịch bảo đảm tại Trung tâm đăng ký giao dịch tài sản tại Đà Nẵng ngày 25/01/2016, số đăng ký 1203703847.

02. Hợp đồng tín dụng trung- dài hạn số DAL.DN.635.250416 ngày 27/4/2016. Ngân hàng đã tiến hành giải ngân cho Công ty Bảo N vay bằng khế ước nhận nợ số DAL.DN.635.250416 (TK: 215468179) ký ngày 27/4/2016, với số tiền vay 560.000.000đ; Thời hạn vay 48 tháng; Mục đích cho vay: Mua xe thế chấp bằng chính xe mua để phục vụ kinh doanh; Lãi suất vay là 8,5%/năm; Lãi suất quá hạn: 150% lãi suất trong hạn. Để đảm bảo cho khoản vay, Công ty Bảo N có ký kết với Ngân hàng hợp đồng thế chấp tài sản số: DAL.BĐDN.274.250416 ngày 26/4/2016 để thế chấp tài sản là xe ô tô tải thùng kín nhãn hiệu FUSO CANTER, số khung: 85PGGV000075, số máy: 4D34P58729, biển kiểm soát: 47C-126.43 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 017144 do Công an tỉnh Đắk Lắk – Phòng Cảnh Sát Giao Thông cấp ngày 22/04/2016 đứng tên Công ty TNHH thương mại dịch vụ phân phối Bảo N; Đăng ký giao dịch bảo đảm tại Trung tâm đăng ký giao dịch tài sản tại Đà Nẵng ngày 26/4/2016, số đăng ký 1201948837. Đối với khoản vay này, Công ty Bảo N đã trả cho Ngân hàng số tiền gốc là 256.520.000đ; đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ từ ngày 11/06/2018. Tính đến ngày 24/9/2020 Công ty Bảo N đã trả cho Ngân hàng tổng số tiền gốc là 463.656.617đ, còn nợ gốc là 303.480.000đ và 160.176.616đ lãi phát sinh (Trong đó lãi trong hạn: 86.279.752đ, lãi quá hạn: 44.334.069đ, phạt chậm trả: 29.544.795đ).

03. Hợp đồng tín dụng trung - dài hạn số DAL.DN.602.261216 ngày 27/12/2016. Ngân hàng đã tiến hành giải ngân cho Công ty Bảo N vay bằng khế ước nhận nợ số DAL.DN.602.261216 (TK: 229330089) ký ngày 27/12/2016 với số tiền vay 500.000.000đ; Thời hạn vay 48 tháng; Mục đích cho vay: Mua xe thế chấp bằng chính xe mua để phục vụ kinh doanh; Lãi suất vay là 9,26%/năm; Lãi suất quá hạn: 150% lãi suất trong hạn. Để đảm bảo cho khoản vay, Công ty Bảo N có ký kết với Ngân hàng hợp đồng thế chấp tài sản số DAL.BĐDN.245.261216 ngày 27/12/2016 để thế chấp tài sản là xe ô tô tải thùng kín nhãn hiệu FUSO CANTER, số khung: 85PHGV000412, số máy: 4D34P56878, biển kiểm soát: 47C-148.98 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 024427 do Công An Tỉnh Dak lak – Phòng Cảnh Sát Giao Thông cấp ngày 22/12/2016 thuộc quyền sở hữu của Công ty TNHH thương mại dịch vụ phân phối Bảo N; Đăng ký giao dịch bảo đảm tại Trung tâm đăng ký giao dịch tài sản tại Đà Nẵng ngày 27/12/2016, số đăng ký 1235731572. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty Bảo N đã trả cho Ngân hàng số tiền gốc là 146.300.000đ; đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ từ ngày 11/06/2018. Như vậy tính đến ngày 24/9/2020 Công ty Bảo N đã trả cho Ngân hàng tổng số tiền gốc là 146.300.000đ, còn nợ gốc là 353.700.000đ và lãi phát sinh là 163.621.904đ (trong đó lãi trong hạn: 102.207.362đ, lãi quá hạn: 51.060.194đ, phạt chậm trả: 10.359.348 đồng).

04. Hợp đồng cấp tín dụng số DAL.DN.603.271216 ngày 28/12/2016, để thực hiện Ngân hàng đã tiến hành giải ngân cho Công ty Bảo N vay bằng khế ước nhận nợ sau: Khế ước nhận nợ số 01, số tham chiếu: DAL.DN.603.271216 ký ngày 20/10/2017 với số tiền vay 1.500.000.000đ; Thời hạn vay 09 tháng; Mục đích cho

vay: Bổ sung vốn lưu động kinh doanh mua bán lương thực, thực phẩm, đồ uống, sản phẩm thuốc lá thuốc láo các loại; Lãi suất vay là 8,8%/năm; Lãi suất quá hạn: 150% lãi suất trong hạn. Khế ước nhận nợ số 02, số tham chiếu: DAL.DN.603.271216 ký ngày 21/10/2017 với số tiền vay 950.000.000 đồng; Thời hạn vay 09 tháng; Mục đích cho vay: Bổ sung vốn lưu động kinh doanh mua bán lương thực, thực phẩm, đồ uống, sản phẩm thuốc lá thuốc láo các loại; Lãi suất vay là 8,8%/năm; Lãi suất quá hạn: 150% lãi suất trong hạn. Để đảm bảo cho các khoản vay, Công ty Bảo N có ký kết với Ngân hàng hợp đồng thế chấp các tài sản sau:

Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số DAL.BĐDN.38.130416 ngày 13/04/2016, Hợp đồng thế chấp tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai số DAL.BĐDN.50.130416 ngày 13/04/2016 được công chứng tại Phòng công chứng số 01 tỉnh Đ, số công chứng 001301 và 001302, quyền số 01TP/CC-SCC/HĐGD; Đăng ký thế chấp tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố B, tỉnh Đắk Lắk ngày 13/04/2016, số thứ tự 388, quyền số 04 để thế chấp bất động sản tọa lạc tại thửa đất số 24; tờ bản đồ số 71, tại phường Tân L, Thành phố B, tỉnh Đắk Lắk thuộc sở hữu của ông Trịnh Xuân T và bà Trịnh Thị T, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 4001120188 do UBND tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 03/05/2002.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty Bảo N đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ từ ngày 11/06/2018. Để thu hồi nợ, ngày 18/05/2018 Ngân hàng đã phối hợp với bên bảo lãnh là ông Trịnh Xuân T và bà Trịnh Thị T để giải chấp tài sản đảm bảo là bất động sản thuộc thửa đất số 24, tờ bản đồ 71 tại phường Tân L, Thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Ông T và bà T đã nộp tổng số tiền là 2.029.353.000đ trong đó tiền gốc là 2.000.000.000đ và lãi là 29.353.000đ để trả nợ một phần tương ứng với nghĩa vụ bảo đảm của tài sản. Ngày 14/08/2018 Ngân hàng đã xử lý tài sản thế chấp là xe ô tô con nhãn hiệu TOYOTA, số khung: 40K003178116, số máy: 2AZH211475, biển kiểm soát: 47A-168.79 thuộc quyền sở hữu của ông Nguyễn Hữu D và bà Trịnh Thu T được số tiền là 547.000.000đ, trong đó Ngân hàng thu một phần gốc để thanh lý món vay là 448.000.000đ và lãi thanh lý món vay 23.583.025đ. Như vậy tính đến ngày 15/7/2019 Công ty Bảo N đã trả cho Ngân hàng tổng số tiền là 2.500.936.025đ, trong đó gốc là 2.450.000.000đ và lãi phát sinh là 50.936.025đ. Tài sản bảo đảm là bất động sản thuộc thửa đất số 24; tờ bản đồ 71 tại phường Tân L, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk và Xe ô tô biển kiểm soát 47A-168.79 hiện đã được xử lý để thu hồi một phần nợ gốc và lãi phát sinh tương ứng.

Như vậy, đến ngày 24/9/2020, công ty Bảo N còn nợ Ngân hàng các khoản nợ, cụ thể: Hợp đồng tín dụng số DAL.DN.624.220116 ngày 26/01/2016: Nợ gốc là 189.412.025đ và 105.641.715đ lãi phát sinh (Trong đó lãi trong hạn: 56.631.259đ, lãi quá hạn: 28.768.892đ, phạt chậm trả: 20.241.564); Hợp đồng tín dụng số DAL.DN.635.250416 ngày 27/4/2016: Nợ gốc là 303.480.000đ và 160.176.616đ lãi phát sinh (Trong đó lãi trong hạn: 102.207.362đ, lãi quá hạn: 51.060.194đ, phạt chậm trả: 10.359.348đ); và Hợp đồng tín dụng số DAL.DN.602.261216 ngày 27/12/2016: Nợ gốc là 353.700.000đ và 163.626.904đ lãi phát sinh (Trong đó lãi

trong hạn: 102.207.362đ, lãi quá hạn: 51.060.194đ, phạt chậm trả: 10.359.348 đồng).

Nay Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Công ty Bảo N phải trả cho Ngân hàng tổng số tiền nợ tạm tính đến ngày 24/9/2020 là: Nợ gốc: 846.592.025đ và 429.445.236 lãi phát sinh (Trong đó lãi trong hạn: 245.136.373đ, lãi quá hạn: 124.163.155đ, phạt chậm trả: 60.145.707đ). Công ty Bảo N còn phải tiếp tục chịu lãi phát sinh theo mức lãi suất quá hạn do các bên thỏa thuận trong các Hợp đồng tín dụng, Khế ước nhận nợ kể từ ngày 25/9/2020 cho đến ngày trả dứt nợ. Trong trường hợp Công ty Bảo N không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ, Ngân hàng được quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp là xe ô tô tải thùng kín nhãn hiệu FUSO, số khung: 73PEFV000302, số máy: 4D34P45670, biển kiểm soát: 47C-114.82; xe ô tô tải thùng kín nhãn hiệu FUSO, số khung: 85PGGV000075, số máy: 4D34P58729, biển kiểm soát: 47C-126.43; xe ô tô tải thùng kín nhãn hiệu FUSO, số khung: 85PHGV000412, số máy: 4D34P56878, biển kiểm soát: 47C-148.98 đều đứng tên chủ xe là Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại dịch vụ phân phối Bảo N để thu hồi nợ. Đồng thời yêu cầu ông Nguyễn Hữu D và người kế thừa quyền nghĩa vụ của ông D liên đới thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo chứng thư bảo lãnh ngày 22/01/2016 và giấy cam kết việc trả nợ ngày 26/12/2016. Ngoài ra không có ý kiến, yêu cầu nào thêm.

Tại bản tư khai, biên bản lấy lời khai người đại diện theo pháp luật của bị đơn, đồng thời là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người đại diện hợp pháp của người còn quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trịnh Thu T trình bày có nội dung như sau:

Bà Trịnh Thu T và ông Nguyễn Hữu D là vợ chồng, có 02 con chung là Nguyễn Bảo N và Nguyễn Trịnh Phương N, ông D đã chết năm 2018.

Bà T là giám đốc Công ty Trách nhiệm Thương mại Dịch vụ Phân phối Bảo N, Công Ty Bảo N có ký kết vay vốn Ngân hàng Thương Mại Cổ phần Á C cụ thể gồm:

01. Hợp đồng tín dụng trung- dài hạn số DAL.DN.624.220116 ngày 26/01/2016. Ngân hàng đã tiến hành giải ngân cho Công ty Bảo N vay bằng khế ước nhận nợ số DAL.DN.624220116/01 (TK: 210510379) ký ngày 26/01/2016, số tiền vay 500.000.000đ; Thời hạn vay 48 tháng; Mục đích cho vay: Mua xe thế chấp bằng chính xe mua để phục vụ kinh doanh; Lãi suất vay là 8,5%/năm; Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn.

02. Hợp đồng tín dụng trung- dài hạn số DAL.DN.635.250416 ngày 27/4/2016. Ngân hàng đã tiến hành giải ngân cho Công ty Bảo N vay bằng khế ước nhận nợ số DAL.DN.635.250416 (TK: 215468179) ký ngày 27/4/2016, số tiền vay 560.000.000đ; Thời hạn vay 48 tháng; Mục đích cho vay: Mua xe thế chấp bằng chính xe mua để phục vụ kinh doanh; Lãi suất vay là 8,5%/năm; Lãi suất quá hạn: 150% lãi suất trong hạn.

03. Hợp đồng tín dụng trung- dài hạn số DAL.DN.602.261216 ngày 27/12/2016. Ngân hàng đã tiến hành giải ngân cho Công ty Bảo N vay bằng khế ước nhận nợ số DAL.DN.602.261216 (TK: 229330089) ký ngày 27/12/2016, số tiền vay 500.000.000đ (*Năm trăm triệu đồng*); Thời hạn vay 48 tháng; Mục đích cho vay: Mua xe thể chấp bằng chính xe mua để phục vụ kinh doanh; Lãi suất vay là 9,26%/năm; Lãi suất quá hạn: 150% lãi suất trong hạn.

04. Hợp đồng cấp tín dụng số DAL.DN.603.271216 ngày 28/12/2016, để thực hiện Ngân hàng đã tiến hành giải ngân cho Công ty Bảo N vay bằng khế ước nhận nợ sau: Khế ước nhận nợ số 01, số tham chiếu: DAL.DN.603.271216 ký ngày 20/10/2017, số tiền vay 1.500.000.000đ; Thời hạn vay 09 tháng; Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động kinh doanh mua bán lương thực, thực phẩm, đồ uống, sản phẩm thuốc lá thuốc lào các loại; Lãi suất vay là 8,8%/năm; Lãi suất quá hạn: 150% lãi suất trong hạn. Khế ước nhận nợ số 02, số tham chiếu: DAL.DN.603.271216 ký ngày 21/10/2017, số tiền vay 950.000.000 đồng; Thời hạn vay 09 tháng; Mục đích cho vay: Bổ sung vốn lưu động kinh doanh mua bán lương thực, thực phẩm, đồ uống, sản phẩm thuốc lá thuốc lào các loại; Lãi suất vay là 8,8%/năm; Lãi suất quá hạn: 150% lãi suất trong hạn.

Để đảm bảo cho các khoản vay, Công ty Bảo N có ký kết với Ngân hàng các hợp đồng thế chấp để thế chấp các tài sản sau: 01 xe ô tô tải thùng kín nhãn hiệu FUSO, biển kiểm soát: 47C-114.82; 01 xe ô tô tải thùng kín nhãn hiệu FUSO, biển kiểm soát: 47C-126.43; 01 xe ô tô tải thùng kín nhãn hiệu FUSO, biển kiểm soát: 47C-148.98 đều được Phòng cảnh sát giao thông - Công an tỉnh Đắk Lắk cấp giấy chứng nhận đăng ký xe đứng tên Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Thương mại Dịch vụ Phân phối Bảo N; 01 xe ô tô con nhãn hiệu TOYOTA, biển kiểm soát: 47A-168.79 đã được Phòng cảnh sát giao thông - Công an tỉnh Đắk Lắk cấp giấy chứng nhận đăng ký xe đứng tên ông Nguyễn Hữu D và bà Trịnh Thu T; Ngoài ra, ông Trịnh Xuân T và bà Trịnh Thị T còn ký với ngân hàng hợp đồng thế chấp tài sản để thế chấp quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 24; tờ bản đồ số 71, tại phường Tân L, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, đã được UBND tỉnh Đắk Lắk cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên ông Trịnh Xuân T và bà Trịnh Thị T để bảo đảm cho khoản vay của công ty Bảo N.

Trong quá trình vay vốn thì Ngân hàng và Công ty Bảo N, bên thế chấp đã thỏa thuận trả tiền vay và rút tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất đứng tên ông Trịnh Xuân T, bà Trịnh Thị T; xử lý bán tài sản thế chấp là xe ô tô nhãn hiệu Toyota biển kiểm soát 47A- 168.79 để thu hồi nợ.

Đến nay mặc dù các khoản vay đã quá hạn nhưng Công ty Bảo N vẫn chưa trả được nợ cho Ngân hàng như cam kết. Nay Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Công ty Bảo N phải trả cho Ngân hàng tổng số tiền nợ tạm tính đến ngày 24/9/2020 là: Nợ gốc: 846.592.025đ và 429.445.236 lãi phát sinh (Trong đó lãi trong hạn: 245.136.373đ, lãi quá hạn: 124.163.155đ, phạt chậm trả: 60.145.707đ). Ngoài ra, Công ty Bảo N còn phải tiếp tục chịu lãi phát sinh theo mức lãi suất quá hạn do các bên thỏa thuận trong

các Hợp đồng tín dụng, Khế ước nhận nợ kể từ ngày 25/9/2020 cho đến ngày trả dứt nợ. Nếu vi phạm nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng được quyền yêu cầu xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ; quan điểm của công ty Bảo N: Công ty Bảo N xác nhận có nợ Ngân hàng khoản tiền như Ngân hàng khởi kiện, đề nghị Tòa án xét xử vụ án theo quy định của pháp luật. Trường hợp công ty Bảo N không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì công ty Bảo N đồng ý để Ngân hàng được quyền yêu cầu phát mại tài sản thế chấp để thu hồi nợ. Ngoài ra công ty Bảo N không có ý kiến gì khác.

Đối với việc Ngân hàng đã xử lý tài sản thế chấp là xe ô tô nhãn hiệu Toyota biển kiểm soát 47A- 168.79 là tài sản đứng tên ông Nguyễn Hữu D và bà Trịnh Thu T để thu hồi nợ thì bà T đồng ý, không có ý kiến gì khác.

Tại bản tự khai người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Hữu Khánh trình bày có nội dung như sau:

Ông K là bố đẻ anh Nguyễn Hữu D, anh D đã chết năm 2018, mẹ anh D là bà Huỳnh Thị Thu H chết năm 1998, nay giữa bị đơn, người liên quan có tranh chấp về việc vay tiền với nguyên đơn thì ông đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo pháp luật, đối với tài sản của Nguyễn Hữu D thì ông K không có tranh chấp gì.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột tham gia phiên tòa, phát biểu ý kiến:

- Về chấp hành pháp luật tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án của Thẩm phán cũng như tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, các đương sự đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật Tố tụng dân sự;

- Về nội dung: Qua các tài liệu, chứng cứ đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án và qua việc tranh tụng tại phiên tòa đã có đủ cơ sở để xác định: Công ty Trách nhiệm Thương mại Dịch vụ Phân phối Bảo N có ký với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á C 04 hợp đồng tín dụng để vay tiền của Ngân hàng, gồm: Hợp đồng tín dụng trung – dài hạn số DAL.DN.624.220116 ngày 26/01/2016, vay số tiền 500.000.000đ; Hợp đồng tín dụng trung – dài hạn số DAL.DN.635.250416 ngày 27/4/2016, vay số tiền 560.000.000đ; Hợp đồng tín dụng trung - dài hạn số DAL.DN.602.261216 ngày 27/12/2016, vay số tiền 500.000.000 đồng; Hợp đồng cấp tín dụng số DAL.DN.603.271216 ngày 28/12/2016, Khế ước nhận nợ số 01 vay số tiền 1.500.000.000đ; Khế ước nhận nợ số 02 vay số tiền 950.000.000đ. Quá trình vay vốn, mặc dù đã quá hạn thanh toán nhưng đến nay công ty Bảo N vẫn còn nợ Ngân hàng các khoản nợ tạm tính đến ngày 24/9/2020 là: Nợ gốc: 846.592.025đ và 429.445.236 lãi phát sinh (Trong đó lãi trong hạn: 245.136.373đ, lãi quá hạn: 124.163.155đ, phạt chậm trả: 60.145.707đ).

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 463; Điều 466; Điều 468; Điều 688 của Bộ luật Dân sự; Khoản 2 Điều 91 và Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng; Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á C,

buộc bị đơn Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Thương mại Dịch vụ Phân phối Bảo N phải có trách nhiệm trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á C 846.592.025đ nợ gốc và lãi phát sinh đến khi trả hết nợ. Nếu Công ty Bảo N vi phạm nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng được quyền yêu cầu xử lý tài sản thế chấp theo quy định của pháp luật để thu hồi nợ.

Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” với bị đơn là Công ty Trách nhiệm Thương mại Dịch vụ Phân phối Bảo N có trụ sở tại 17 Trương Hán S, phường Thành N, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; là tranh chấp kinh doanh thương mại thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk theo quy định tại khoản 1 Điều 30; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Xét thấy bà Trịnh Thu T, ông Nguyễn Hữu K có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt là tự nguyện, phù hợp với pháp luật nên Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bị đơn, người liên quan là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án: Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại dịch vụ phân phối Bảo N có ký với Ngân hàng thương Mại Cổ phần Á C 04 hợp đồng tín dụng để vay tiền, gồm: Hợp đồng tín dụng trung – dài hạn số DAL.DN.624.220116 ngày 26/01/2016, vay số tiền 500.000.000 đồng; Hợp đồng tín dụng trung – dài hạn số DAL.DN.635.250416 ngày 27/4/2016, vay số tiền 560.000.000 đồng; Hợp đồng tín dụng trung - dài hạn số DAL.DN.602.261216 ngày 27/12/2016, vay số tiền 500.000.000 đồng; Hợp đồng cấp tín dụng số DAL.DN.603.271216 ngày 28/12/2016, Khế ước nhận nợ số 01, vay số tiền 1.500.000.000 đồng; Khế ước nhận nợ số 02, vay số tiền 950.000.000 đồng. Quá trình vay vốn, mặc dù đã quá hạn thanh toán nhưng đến nay Công ty Bảo N vẫn còn nợ Ngân hàng số tiền tạm tính đến ngày 24/9/2020 là: Nợ gốc: 846.592.025đ và 429.445.236 lãi phát sinh (Trong đó lãi trong hạn: 245.136.373đ, lãi quá hạn: 124.163.155đ, phạt chậm trả: 60.145.707đ), chưa trả nên các bên tranh chấp khởi kiện ra Tòa án giải quyết.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng buộc bị đơn Công ty Bảo N phải trả cho Ngân hàng tổng số tiền nợ tạm tính đến ngày 24/9/2020 là nợ gốc 846.592.025 đồng và lãi 429.445.236 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy: Công ty Bảo N có ký với Ngân hàng 04 hợp đồng tín dụng để vay tiền gồm: Hợp đồng tín dụng trung – dài hạn số DAL.DN.624.220116 ngày 26/01/2016, vay số tiền 500.000.000 đồng; Hợp đồng tín dụng trung – dài hạn số DAL.DN.635.250416 ngày 27/4/2016, vay số tiền 560.000.000 đồng; Hợp đồng tín dụng trung - dài hạn số DAL.DN.602.261216 ngày 27/12/2016, vay số tiền 500.000.000 đồng; Hợp đồng cấp tín dụng số

DAL.DN.603.271216 ngày 28/12/2016, Khế ước nhận nợ số 01, vay số tiền 1.500.000.000 đồng; Khế ước nhận nợ số 02, vay số tiền 950.000.000 đồng. Đến nay, mặc dù đã quá hạn thanh toán nhưng Công ty Bảo N vẫn chưa thanh toán hết nợ cho Ngân hàng là vi phạm nghĩa vụ trả tiền của bên vay. Do đó, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ cần chấp nhận buộc bị đơn Công ty Bảo N phải trả cho nguyên đơn Ngân hàng tổng số tiền nợ tạm tính đến ngày 24/9/2020 là 1.276.037.261 đồng, trong đó: Nợ gốc 846.592.025đ và nợ lãi 429.445.236 đồng.

Bị đơn Công ty Bảo N tiếp tục chịu lãi suất phát sinh trên số dư nợ gốc theo mức tại hợp đồng tín dụng kể từ ngày 25/9/2020 cho đến khi trả xong nợ.

[5] Về yêu cầu xử lý tài sản thế chấp: Xét các hợp đồng thế chấp tài sản số: DAL.BDDN.317.220116 ngày 25/01/2016; DAL.BDDN.274.250416 ngày 26/4/2016; DAL.BDDN.245.261216 ngày 27/12/2016 giữa nguyên đơn Ngân hàng và bị đơn Công ty Bảo N đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật nên có hiệu lực pháp luật nên chấp nhận yêu cầu xử lý tài sản thế chấp của nguyên đơn Ngân hàng. Nguyên đơn Ngân hàng được quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp là Xe ô tô tải thùng kín nhãn hiệu FUSO, số khung: 73PEFV000302, số máy: 4D34P45670, biển kiểm soát: 47C-114.82; xe ô tô tải thùng kín nhãn hiệu FUSO, số khung: 85PGGV000075, số máy: 4D34P58729, biển kiểm soát: 47C-126.43; xe ô tô tải thùng kín nhãn hiệu FUSO, số khung: 85PHGV000412, số máy: 4D34P56878, biển kiểm soát: 47C-148.98, đề thu hồi nợ trong trường hợp bị đơn Công ty Bảo N không trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ cho nguyên đơn Ngân hàng. Sau khi, bị đơn Công ty Bảo N trả xong nợ thì nguyên đơn Ngân hàng có nghĩa vụ trả lại các tài sản thế chấp trên cho bị đơn Công ty Bảo N.

[6] Yêu cầu ông Nguyễn Hữu D và bà Trịnh Thu T liên đới thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo chứng thư bảo lãnh ngày 22/01/2016 và giấy cam kết việc trả nợ ngày 26/12/2016. Hội đồng xét xử xét thấy tại chứng thư bảo lãnh ngày 22/01/2016 và giấy cam kết việc trả nợ ngày 26/12/2016, thể hiện trách nhiệm trả nợ thay cho bên được bảo lãnh các khoản nợ của bên được bảo lãnh với nguyên đơn khi bên được bảo lãnh không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ bên bảo lãnh ông Nguyễn Hữu D và bà Trịnh Thu T đã thể hiện ý chí tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật nên cần chấp nhận yêu cầu này của Ngân hàng. Trường hợp bị đơn không trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ thì bên bảo lãnh bà Trịnh Thu T và những người thừa kế của ông Nguyễn Hữu D gồm bà Trịnh Thị Thu T, ông Nguyễn Hữu K, cháu Nguyễn Bảo N và cháu Nguyễn Trịnh Phương N phải chịu thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh trong phạm vi bảo lãnh đã thỏa thuận tại chứng thư bảo lãnh ngày 22/01/2016 và giấy cam kết việc trả nợ ngày 26/12/2016 trong phạm vi di sản do ông Nguyễn Hữu D để lại được hưởng thừa kế nếu có.

[7] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn Công ty Bảo N phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định của pháp luật, cụ thể án phí là: 36.000.000 đồng + (3% x 476.037.261 đồng) = 50.289.000 đồng.

Nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á C không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm, được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 30; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147; Điều 220; khoản 1 Điều 227; Điều 266; Điều 271 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 688 của Bộ luật dân sự.

- Căn cứ Điều 91, Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng.

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á C.

Buộc bị đơn Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Thương mại Dịch vụ Phân phối Bảo N có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á C tổng số tiền nợ tạm tính đến ngày 24/9/2020 là 1.276.037.261 đồng, trong đó tiền gốc 846.592.025 đồng, tiền lãi 429.445.236 đồng. Bị đơn Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Thương mại Dịch vụ Phân phối Bảo N tiếp tục chịu lãi suất phát sinh trên số dư nợ gốc theo mức tại các hợp đồng tín dụng DAL.DN.624.220116 ngày 26/01/2016; Hợp đồng tín dụng số DAL.DN.635.250416 ngày 27/4/2016 và Hợp đồng tín dụng số DAL.DN.602.261216 ngày 27/12/2016, kể từ ngày 25/9/2020 cho đến khi trả xong nợ.

Trường hợp bị đơn Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Thương mại Dịch vụ Phân phối Bảo N không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần Á C được quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp là Xe ô tô tải thùng kín nhãn hiệu FUSO, số khung: 73PEFV000302, số máy: 4D34P45670, biển kiểm soát: 47C-114.82; xe ô tô tải thùng kín nhãn hiệu FUSO, số khung: 85PGGV000075, số máy: 4D34P58729, biển kiểm soát: 47C-126.43 và xe ô tô tải thùng kín nhãn hiệu FUSO, số khung: 85PHGV000412, số máy: 4D34P56878, biển kiểm soát: 47C-148.98; các xe ô tô trên đều đứng tên chủ xe là Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Thương mại Dịch vụ Phân phối Bảo N để thu hồi khoản nợ theo quy định của pháp luật.

Sau khi, bị đơn Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Thương mại Dịch vụ Phân phối Bảo N thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á C thì nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á C có trách nhiệm trả lại các giấy tờ, tài sản thế chấp cho bị đơn Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Thương

mại Dịch vụ Phân phối Bảo N là bản chính các giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô gồm: Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 017144 do Phòng cảnh sát giao thông - Công an tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 22/4/2016 đối với xe ô tô biển kiểm soát 47C-126.43; Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 024427 do Phòng cảnh sát giao thông - Công an tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 22/12/2016 đối với xe ô tô biển kiểm soát 47C-148.98; Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 014894 do Phòng cảnh sát giao thông - Công an tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 21/01/2016 đối với xe ô tô biển kiểm soát 47C-114.82.

Trường hợp bị đơn Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Thương mại Dịch vụ Phân phối Bảo N không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á C thì bên bảo lãnh bà Trịnh Thu T và những người thừa kế của ông Nguyễn Hữu D gồm bà Trịnh Thị Thu T, ông Nguyễn Hữu K, cháu Nguyễn Bảo N và cháu Nguyễn Trịnh Phương N phải chịu thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh trong phạm vi bảo lãnh đã thỏa thuận tại chứng thư bảo lãnh ngày 22/01/2016 và giấy cam kết việc trả nợ ngày 26/12/2016 trong phạm vi di sản do ông Nguyễn Hữu D để lại được hưởng thừa kế nếu có.

Về án phí: Bị đơn Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Thương mại Dịch vụ Phân phối Bảo N phải chịu 50.281.000 đồng tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Trả lại cho nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á C số tiền 26.977.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á C đã nộp theo biên lai thu số AA/2017/0007856 ngày 13 tháng 8 năm 2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND TP. BMT;
- CCTHADS. TP. B;
- Các đương sự;
- Lưu HS;
- Lưu VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Lê Đình Thanh